

がいこくじん 外国人のための日本語講座 にほんごこうざ

Japanese Language Course for Resident Foreigners / 为居住外国人开设的日语讲座 /

Khóa học tiếng Nhật dành cho người nước ngoài/ Kurso ng Japanese Language para sa mga Dayuhang Residente

がいこくじん

外国人のみなさんが安全で安心して暮らすことができるよう、日本語講座を開講しています。お気軽にご参加ください。

あんぜん

あんしん

く

にほんごこうざ

かいこう

きがる

さんか

To assist for securing your comfortable life in Japan, Japanese Language Courses are being held in the following manner. Please feel free to contact and join us.

为了居住外国人能安全而舒心的生活、开设了日语讲座。欢迎大家踊跃参加。

Thành phố có mở lớp tiếng Nhật dành cho người nước ngoài, nhằm làm cho đời sống các bạn an toàn và an tâm.Hoan nghênh các bạn cùng tham gia học tập.

Para gabay sa komportableng buhay sa Japan, Ang kurso ng Japanese Language ay isnisasagawa sa sumusunod na paraan.Mangyaring huwag mag atubiling makipag-ugnayan at sumali sa amin.

かいせつこうざ

【開設講座(An establishment lecture / 开设讲座 /Khai giảng các lớp học / Ang pagtatatag ng panayam)】

	だいせんし 大仙市 Daisen City/Thành phố Daisen//Lungsod ng Daisen	せんぼくし 仙北市 Semboku City/Thành phố Semboku//Lungsod ng Semboku	みさとちょう 美郷町 Misato town/美郷町/Thị trấn Misato/Bayan ng Misato
かいじょう 会場/Place/场 所/Địa điểm/ Lugar	おおまがりこうりゅうせんたー 大曲交流センター Omagari Exchange Center/ 大曲交流中心/Trung tâm giao lưu Omagari/ Sentro ng palitan ng Omagari	かくのだてこうりゅうせんたー 角館交流センター Kakunodate Exchange Center/ 角馆交流中心/Trung tâm giao lưu Kakunodate/ Sentro ng palitan ng Kakunodate	みさとちょうちゅうおう 美郷町中央ふれあい館 Misato Town Chuo Fureai Center/ 美郷町中央ふれあい馆/Trung tâm chuo Fureai Misato/ Sentro ng Chuo Fureai ng Bayan ng Misato
にちじ 日時/Date/ 时间/Ngày giờ/ Petsa	まいしゅうかようび 毎週火曜日 午後7時～9時/Every Tuesday 19:00 ~ 21:00/ 毎周星期二 下午7点～9点/Mỗi thứ 3 hàng tuần 19:00 ~21:00/ Tuwing Martes 19:00~21:00	まいしゅうにちようび 毎週日曜日 午前10時～12時/Every Sunday 10:00 ~ 12:00/ 每周星期天 上午10点～12点/Mỗi chủ nhật hàng tuần 10:00~12:00/ Tuwing Linggo 10:00 ~12:00	まいしゅうかようび 毎週火曜日 午前10時～12時/Every Tuesday 10:00 ~ 12:00/ 毎周星期二 上午10点～12点/Mỗi thứ 3 hàng tuần 10:00~12:00/ Tuwing Martes 10:00~12:00
	まいしゅうもくようび 毎週木曜日 午前10時～12時/Every Thursday 10:00 ~ 12:00/ 每周星期四 上午10点～12点/Mỗi thứ 5 hàng tuần 10:00 ~12:00/ Tuwing Huwebes 10:00 ~ 12:00		
あんないず 案内図 /Guidemap/ 向导图/Bản đồ/ Gabay na mapa			

しどういん

【指導員(Teacher / 指导员 / Giáo viên / Guro)】

とうろくにほんごぼらんていあ

登録日本語ボランティア

18名

(18 nos. of Registered Japanese Language Volunteers) (有 18 名日语老师自愿参加者) (Có 18 giáo viên đăng ký dạy tình nguyện tiếng Nhật) (18 na bilang ng mga Rehistradong boluntaryo ng Japanese Language)

とあさき

【問い合わせ先(Inquiry / 咨询处 /Giải đáp thắc mắc /Pagtatanong)】

きょういくいいんかいしょうがいがくしゅうか

教育委員会生涯学習課

(Lifelong Education Section, Board of Education / 教育委员会生涯学习课 /

Ban giáo dục, học tập và đời sống/ Seksyon ng Panghabambuhay na Edukasyon, Lupon ng Edukasyon)

だいせんし

●大仙市：0187-63-1111

(Daisen City/大仙市/ Tp Daisen/Lungsod ng Daisen)

せんぼくし

●仙北市：0187-43-3383

(Semboku City/仙北市/Tp Semboku/Lungsod ng Semboku)

みさとちょう

●美郷町：0187-84-4915

(Misato town/美郷町/Thị trấn Misato/Bayan ng Misato)

